

Bản án số: 255/2025/HS-PT

Ngày: 13-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường

ông Phùng Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2025/TLPT-HS ngày 17/4/2025 đối với bị cáo **Nguyễn Duy S** về tội “*Đưa hối lộ*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1141/2025/QĐXXPT-HS ngày 25/4/2025.

1. Bi cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy S**, sinh ngày 23/5/1964 tại Bình Định; *nơi thường trú: **thôn Q, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông **Nguyễn Văn L** và con bà **Huỳnh Thị T**; có vợ tên là **Nguyễn Thị P** và có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai có Quyết định số 01/2020/QĐ-TĐTP phân công Thẩm phán **Bùi Việt Minh Q** - Phó Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ia Pa thu lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm “Tranh

chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn Duy S, bà Nguyễn Thị P với bị đơn là các ông: Phạm Quốc C, Trần Văn C1 và Nguyễn Văn M (khởi kiện liên quan đến hợp đồng góp vốn, mua bán, quản lý và hoa lợi, lợi tức của Trạm bơm B và Trạm bơm B tại xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai).

Trong quá trình đến Tòa án huyện Ia Pa làm việc, cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, Nguyễn Duy S đã gặp và nhờ Bùi Viết Minh Q giúp đỡ theo hướng có lợi cho mình, chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyễn Duy S yêu cầu Tòa án hủy các hợp đồng mua bán, hợp đồng hùn vốn, văn bản quản lý, điều hành và bồi thường hoa lợi các Trạm bơm B, B và hứa hẹn sẽ đưa tiền cảm ơn. Bùi Viết Minh Q biết mục đích, nội dung yêu cầu của Nguyễn Duy S nhưng chưa đồng ý, chưa thỏa thuận mà chỉ hứa hẹn sẽ xem xét. Sáng ngày 16/12/2022, sau khi được vợ chồng con trai là Nguyễn Duy S1 và Bùi Thị Mỹ D cho vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), Nguyễn Duy S đã lấy 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) loại mệnh giá 500.000 đồng cho vào túi nilon màu đen, để trong cốp xe máy và đi đến Tòa án nhân dân huyện Ia Pa. Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, Nguyễn Duy S gọi điện và vào gặp Q tại Phòng số 2 nhà công vụ của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, S đặt túi nilon đựng tiền lên bàn làm việc trước mặt Q và đưa ra đề nghị bằng cách lấy tờ giấy đã chuẩn bị trước ở nhà có nội dung: “Đồng ý 200 triệu, tạm đưa trước 70 triệu, ngoài tết tính tiếp” cho vào lòng bàn tay và giơ về phía trước để Q đọc, sau đó đi về nhà. Q mở túi nilon đếm thấy có 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), biết đó là số tiền S đưa để nhờ giúp trong quá trình xét xử vụ án.

Sau khi nhận số tiền trên, Bùi Viết Minh Q đã hướng dẫn Nguyễn Duy S và tự mình thực hiện việc thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ liên quan theo đơn khởi kiện, gợi ý để Nguyễn Duy S rút một phần nội dung khởi kiện về yêu cầu bồi thường hoa lợi Trạm bơm B...

Tại cuộc họp các Thẩm phán và lãnh đạo TAND huyện Ia Pa, trong Công văn xin trao đổi nghiệp vụ số 90/TA-DS ngày 25/10/2023 và tại cuộc họp ngày 10/11/2023 của Ủy ban Thẩm phán TAND tỉnh Gia Lai, Bùi Viết Minh Q có quan điểm giải quyết vụ án là: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Trạm bơm B; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan về trả lại tài sản và bồi thường một phần hoa lợi của Trạm bơm B”, nhưng Ủy ban Thẩm phán TAND tỉnh Gia Lai không đồng ý quan điểm này và kết luận: “Yêu cầu Thẩm phán nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, xác định lại quan hệ tranh chấp vụ án, làm rõ các vấn đề mà Quyết định giám đốc thẩm số 17/QĐ-GĐT-DS của

TAND Cấp cao tại Đà Nẵng yêu cầu, làm rõ các vấn đề của nội dung trong hợp đồng ủy quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/11/2023, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, kết quả Hội đồng xét xử đã tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Duy S**. Tối ngày 17/11/2023, **Nguyễn Duy S** đã gọi điện, nhắn tin đề nghị **Bùi Viết Minh Q** trả lại số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Ngày 18/11/2023, **Q** chuyển khoản 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), vay và nhờ chị dâu của mình là bà **Vũ Thị Hồng V**, trú tại: **Số A T, phường I, thành phố P** chuyển khoản 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho bạn của **Q** là ông **Trần Lê N**, trú tại **thôn K, xã I, huyện I**, đồng thời nhờ **N** rút tiền mặt mang trả lại cho **Nguyễn Duy S**.

Trưa ngày 19/11/2023, **Trần Lê N** đã mang 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) đến nhà **Nguyễn Duy S** trả giúp **Q**, việc trả, nhận tiền có Giấy biên nhận, thống kê mệnh giá tiền. Vì **Q** không thực hiện được theo yêu cầu, nên **Nguyễn Duy S** đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra VKSND tối cao về hành vi nhận tiền nêu trên của **Bùi Viết Minh Q**.

Quá trình điều tra, **Bùi Viết Minh Q, Nguyễn Duy S2** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai của ông **Trần Lê N**, bà **Vũ Thị Hồng V**, phù hợp lời khai của các nhân chứng, người liên quan khác trong vụ án; phù hợp các Kết luận giám định số 78, 79/KL-KTHS ngày 23/10/2024 của Phân viện Khoa học hình sự **Bộ C2** tại Đà Nẵng về giám định nội dung các file ghi âm trao đổi, nói chuyện giữa **S** và **Q**, việc giao, nhận tiền giữa **S** và ông **Trần Lê N**...; phù hợp các văn bản, tài liệu, sổ ghi chép về việc thỉnh thị, chuẩn bị và xét xử vụ án dân sự; kết quả sao kê ngân hàng, hồ sơ vụ án.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy S** phạm tội “Đưa hối lộ”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy S** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, điều luật, hình phạt đối với bị cáo **Bùi Viết Minh Q**; biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 20/3/2025, bị cáo **Nguyễn Duy S** kháng cáo bản án sơ thẩm xin hưởng án treo và không truy thu 70.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Duy S** trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Duy S** là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Duy S** về tội “Đưa hối lộ” và xử phạt bị cáo **0 (S3)** tháng tù theo điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp chứng cứ mới là Biên lai thu 200.000đ án phí HSST, Giấy khen gia đình văn hoá tiêu biểu, bị cáo có thành tích xây dựng câu lạc bộ nghệ thuật **thị xã A**, Tổ quốc ghi công liệt sĩ **Nguyễn N1**, bệnh án của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: tình tiết mới này của bị cáo là không đáng kể làm thay đổi mức hình phạt đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo tranh tụng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của tôi, các tình tiết mới tôi đã nộp, bản thân bị bệnh. Do đó, đề nghị cho tôi hưởng án treo và không truy thu 70.000.000đ.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20/3/2025, bị cáo **Nguyễn Duy S** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2025/HS-ST ngày 14/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Như vậy, kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Duy S** là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về tội danh:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo **Bùi Viết Minh Q**, **Nguyễn Duy S** khai nhận tội và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Duy S** khai nhận tội, thể hiện: **Bùi Viết Minh Q** là Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Ia Pa được phân công giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” trong đó có đương sự là **Nguyễn Duy S**. Trong quá trình giải quyết vụ án, **Nguyễn Duy S** đã nhiều lần gặp và nhờ **Bùi Viết Minh Q** giúp đỡ theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của **S**. Sáng ngày 16/12/2022, **S** đưa

cho Q 70.000.000 đồng. Do kết quả giải quyết vụ án không đúng với yêu cầu của S, nên S đã tố cáo Q đến Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo **Bùi Viết Minh Q** về tội “*Nhận hối lộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự; bị cáo **Nguyễn Duy S** về tội “*Đưa hối lộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Điều 364. Tội đưa hối lộ:

Khoản 1. Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

...

Mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên đã *xâm phạm đến* hoạt động đúng đắn, uy tín của cơ quan, tổ chức, *xâm hại* quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhận định và đánh giá về tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân bị cáo. Từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo **Nguyễn Duy S** *cung cấp chứng cứ mới là Biên lai thu 200.000đ án phí HSST, Giấy khen gia đình văn hoá tiêu biểu, bị cáo có thành tích xây dựng Câu lạc bộ nghệ thuật thị xã A, Tổ quốc ghi công liệt sĩ Nguyễn N1, bệnh án của bị cáo.* Hội đồng xét xử thấy rằng: tình tiết mới này của bị cáo là không đáng kể làm thay đổi mức hình phạt đối với bị cáo. Đối với số tiền 70.000.000 đồng bị cáo **S** dùng để đưa hối lộ cho bị cáo **Q** và **Q** đã trả lại cho **S**. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo **Nguyễn Duy S** nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Số tiền bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí HSST sẽ được giải quyết trong quá trình thi hành án.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Nguyễn Duy S** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Duy S**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh: tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy S** phạm tội “Đưa hối lộ”.

3. Về điều luật áp dụng và hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy S** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Nguyễn Duy S** phải chịu 200.000đ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Cường